

Bản án: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa . Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2021 vụ tranh chấp “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 180/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa;

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn 2, xã Nam A, huyện C, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Châu Văn Th, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp Danh Th, xã Vĩnh A, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày: Chị và anh Th trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước một thời gian và chung sống với nhau vào năm 2017 không tổ chức lễ cưới; nhưng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh A, huyện G, tỉnh K. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng vài tháng thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, không tin tưởng, ghen tuông vô cớ, đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/4/2020 cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị B yêu cầu xin được ly hôn với anh Th; Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Châu Hoàng D, sinh ngày 11/6/2017 hiện đang sống chung với anh Th, chị xin được giao con cho anh Th nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng với ông Châu Văn M (cha ruột anh Th).

Từ khi Th (con ruột) ông chung sống với B (con dâu) ở Bình Dương, hai đứa không tổ chức đám cưới, có về nhà ra mắt gia đình, rồi tiếp tục đi làm ăn, thỉnh thoảng có về thăm vợ chồng ông, sau đó ông có nghe Th nói vợ chồng của Th cãi nhau, sống ly thân cũng lâu rồi. Hai đứa mâu thuẫn với nhau như thế nào thì ông không rõ. Nay con ông đã trưởng thành, tự quyết định lấy hôn nhân của mình, hiện con dâu ông cương quyết xin ly hôn với Th nên việc B và Th đoàn tụ là rất khó. Còn về con chung khi hai vợ chồng Th sống ly thân, cháu Dung sống với vợ chồng ông và Th, Th cũng nuôi con tốt, bảo đảm mọi thứ cho cháu, con dâu ông thỉnh thoảng cũng về thăm nom con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân: Chị B và anh Th trước khi cưới có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân và hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị B cương quyết xin ly hôn, xét thấy hôn nhân của chị B và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị B và anh Th được ly hôn; Về con chung: Cháu D do anh Th đang nuôi dưỡng, kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu D ở với anh Th phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Đề nghị Tòa án xem xét giao cháu D cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị B; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Chị Hoàng Thị B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh Th đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh Th không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Châu Văn Th trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh P, huyện G, tỉnh K nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do không tin tưởng, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị sống ly thân từ ngày 30/4/2020 cho đến nay. Chị B thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Th không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Th. Tòa án đã tổng đạt các thủ tục cho anh Th nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị B xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Châu Văn Th.

{2.2} Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Châu Hoàng D, sinh ngày 11/6/2017, hiện đang sống chung với anh Th, chị xin được giao con cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Th nhưng anh Th không thể hiện ý kiến về việc chị B giao con cho anh Th nuôi. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu D ở với anh Th, anh chăm sóc và nuôi dưỡng cháu cũng đảm bảo theo như lời trình bày nêu trên của ông Châu Văn M (cha ruột) anh Th. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu D cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị B có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh Th vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về việc hiện nay anh đang nuôi con. Tại phiên tòa, chị B xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành, xét thấy việc tự nguyện trên của chị B không trái quy định của pháp luật cần được ghi nhận.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Hoàng Thị B phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng chị B phải nộp là 600.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2223 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều

56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Châu Văn Th.

2. Về con chung: Xử giao cháu Châu Hoàng D, sinh ngày 11/6/2017 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật).

Chị B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 28/6/2021.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Hoàng Thị B phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng chị B phải nộp là 600.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2223 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

Chị B và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị B được tính kể ngày tuyên án (ngày 28/5/2021). Anh Th được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- (Đã ký)
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Dương sự;
- UBND xã
- L- u HS, VP.

Nguyễn Thị Chuyên